

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST

Ngày 17 - 7- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Ông Đường Ngọc Đại

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Bà Cù Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị N, sinh ngày: 03/02/1993, tại xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá H và bà Trần Thị H1 có chồng là Nguyễn Văn D (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

2. Họ và tên: Trần Phương L, sinh ngày 14/12/2000; tại thị trấn C, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phương Đ và bà Đỗ Thị Thu H2; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 02/11/2018, bị Công an huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 5 Nghị định 167, mức phạt 1.250.000 đồng đến nay chưa

chấp hành; nhân thân: Ngày 02/11/2018, bị Công an huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác đến nay chưa chấp hành, chưa được xóa tiền sự; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Trịnh A, sinh năm 2000, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Phạm Tiến C, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Trần Đức H3, sinh năm 1988, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã K, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 2001, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1999, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Hoàng Thị H4, sinh năm 2004, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Lê Thăng L1, sinh năm 1959, (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Chung Cư I, huyện A, thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1989, (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Phường H, quận G, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Ngọc C2, sinh năm 1998, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã S, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Bùi Văn H5, (vắng mặt).

+ Chị Chu Thị C3, sinh năm 1982, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 21/11/2019 tại nhà Nguyễn Văn C1 ở xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc gồm có: Nguyễn Văn C1; Trần Thị N; Trịnh A; Phạm Tiến C; Trần Đức H3; Trần Phương L và Nguyễn Thị Vân A1 cùng rủ nhau gọi xe taxi đi đến quán lẩu nấm Bảo Ngọc thuộc phường H, thành phố Y để ăn tối.

Thông nhất xong, C1, C, A1 và H3 đi 01 xe taxi (không nhớ biển kiểm soát và hãng taxi) đến quán Bảo Ngọc trước, trên đường đi có rủ thêm chị Hoàng Thị H4 (tên gọi khác là Ngọc) và chị Nguyễn Thị N1 đi cùng.

Trần Thị N, A và L thuê 01 xe taxi (không nhớ biển kiểm soát và hãng taxi) đi đến khu vực cổng Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên để đón Nguyễn Văn T đi cùng. Sau khi đón được T, trên đường đi, Trần Thị N đã gọi điện thoại cho 01 người đàn ông tên Thanh (không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) để hỏi mua 10.000.000 đồng ma túy tổng hợp dạng ke và 08 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo với giá 4.000.000 đồng, tổng số tiền mua ma túy là 14.000.000 đồng để bản thân sau khi ăn uống xong sẽ sử dụng. Thanh đồng ý bán và hẹn gặp giao ma túy tại đầu đường 100 thuộc xã Đ, huyện X. N bảo người lái xe taxi (không biết tên, tuổi, địa chỉ) đi đến điểm hẹn, khi đi đến khu vực đèn xanh, đèn đỏ QL 2A rẽ vào đường 100 được khoảng 300m thì N bảo người lái xe taxi dừng lại, lúc này có 01 người thanh niên không quen biết đi xe máy (không nhớ BKS, đặc điểm của xe) đến và dừng xe cạnh vị trí xe taxi của N đang đỗ, sau đó N hạ kính cửa phía sau của xe taxi xuống thì người này đưa cho N 01 gói ma túy được cuốn bằng băng dính màu đen bên trong có chứa 02 túi ma túy tổng hợp dạng ke và kẹo. N vừa cầm 02 túi ma túy trên tay thì L ngồi ngay cạnh và biết rõ đây là gói ma túy N vừa mua nên bảo “Đưa em cầm cho”, N đưa gói ma túy cho L cầm cất vào trong túi áo trước ngực đang mặc. Sau khi mua ma túy xong, N bảo lái xe taxi chở cả nhóm đi đến quán Bảo Ngọc thuộc phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên để ăn tối cùng với C, C1, A1, H3, H4 và Nguyễn Thị N1.

Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ăn uống xong cả nhóm cùng thông nhất vào khu du lịch Flamingo Đại Lải thuộc xã N, phố Y thuê phòng để nghỉ. Lúc này, L gọi điện thoại cho Nguyễn Thành M là bạn quen biết qua mạng xã hội rủ đi chơi cùng cả nhóm, M đồng ý nên đã thuê xe taxi đến quán Bảo Ngọc để cùng đi

chơi. A gọi điện thoại cho anh Nguyễn Ngọc C2 là cộng tác viên tại khu du lịch Flamingo Đại Lải để hỏi thuê phòng, anh C2 đồng ý và liên hệ với chủ các căn biệt thự trong khu du lịch để tìm phòng thuê cho A. Sau đó, anh C2 gọi điện thoại liên hệ với chị Nguyễn Thị L2 hỏi thuê căn biệt thự R335 trong khu du lịch Flamingo Đại Lải nhưng do căn biệt thự của chị L2 đã có khách thuê nên chị L2 gọi điện thoại cho ông Lê Thăng L1 là chủ của căn biệt thự F6A thuộc khu du lịch Flamingo Đại Lải để giới thiệu khách thuê thì được ông L1 đồng ý cho thuê.

Sau khi thuê được căn biệt thự F6A, cả nhóm gồm 11 người tiếp tục thuê 03 xe taxi (không nhớ biển kiểm soát, hãng taxi) cùng đi đến khu du lịch Flamingo Đại Lải, sau khi làm xong các thủ tục thuê phòng thì tất cả 11 người cùng chuyển đồ đạc cá nhân, loa và đèn nháy mang theo sẵn vào căn biệt thự F6A. Tại đây, cả nhóm cùng nhau nghe nhạc ở phòng khách của căn biệt thự, lúc này L lấy gói băng dính màu đen bên trong có chứa 02 gói ma túy tổng hợp kẹo và ke ra để sử dụng. Khi L bóc bỏ lớp băng dính màu đen bên ngoài thì bên trong có 02 túi nilon chứa ma túy gồm: 01 túi nilon chứa ma túy tổng hợp dạng ke và 01 túi ma túy tổng hợp dạng kẹo, lúc này Trần Thị N đang đứng gần L nên đã tự cầm túi ma túy tổng hợp dạng kẹo lấy ra 01 viên để sử dụng rồi đưa lại túi ma túy cho L cầm (khi đưa N không nói gì với L). Sau khi cầm túi ma túy do N đưa lại thì L tự bỏ cả 02 túi ma túy xuống bàn uống nước và ngồi nghe nhạc, V Anh, C1, A, T nhìn thấy gói ma túy ở trên bàn đã tự lấy mỗi người 01 viên ma túy dạng kẹo để sử dụng; C, H4, H3, M mỗi người cũng tự đến lấy $\frac{1}{2}$ viên ma túy dạng kẹo để sử dụng; Còn lại $\frac{1}{2}$ viên ma túy dạng kẹo và 01 túi nilon chứa ma túy dạng ke L vẫn để ở bàn uống nước. Sau đó, C tự đến đổ 1 phần ma túy ke từ trong túi nilon ra đĩa rồi dùng thẻ cứng đảo (xào ke), còn C1 sử dụng tờ tiền loại polyme mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành tẩu để sử dụng ma túy. Sau đó, L, Nguyễn Thị N1, C, C1, T, A tự đến để sử dụng ma túy.

Khoảng 00 giờ ngày 22/11/2019, cả bọn cùng nhau di chuyển loa đài, đèn nháy và đồ đạc cá nhân vào phòng ngủ của căn biệt thự, tại đây A tiếp tục tự đổ một phần ma túy dạng ke ra đĩa rồi dùng bật lửa, thẻ cứng đảo (xào ke), còn T cuộn tờ tiền loại polyme mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành tẩu, rồi cả bọn tiếp tục sử dụng ma túy, nghe nhạc và nhảy múa. Đến khoảng 02 giờ 05 phút ngày 22/11/2019, bị Công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang, cùng tang vật.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm:

- Thu trên mặt kệ dưới giường căn biệt thự F6A gồm: 01 đĩa sứ hình vuông màu trắng trên mặt đĩa có 01 túi nilon bên trong chứa các tinh thể dạng đá màu trắng được

niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 thẻ cứng màu vàng đen có ký hiệu bên góc trái BIDV mang tên Nguyen Van Cuong; 01 bật lửa ga màu xanh.

- Thu trên mặt kệ trên giường: 01 tàu cuốn bằng tờ Polime 10.000 đồng.
- Thu dưới nền gạch trong nhà vệ sinh: 01 đĩa sứ tròn màu trắng bên trên có 01 thẻ cứng màu vàng có đề chữ LOIS RUITTON; 01 tàu cuốn bằng tờ Polime 10.000 đồng.
- Thu trên mặt tủ gỗ tivi góc bên trái nhìn chính diện 01 đèn nháy màu đen - trắng hình nửa hình cầu không có nhãn hiệu.
- Thu dưới nền nhà dưới góc cửa ra phía bể bơi: 01 chiếc loa hình chữ nhật có dán mác ký hiệu F380X; 02 loa nhỏ hình chữ nhật đều ký hiệu F8D.
- Thu dưới nền nhà trong góc giữa tủ để tivi và tủ quần áo 01 túi nilon bên trong chứa 01 mảnh viên nén tím được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2.
- Tạm giữ của Trần Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã bị vỡ màn hình; Số tiền 2.180.000 đồng; 01 túi giả da màu đen đã cũ.
- Tạm giữ của Trần Phương L: 01 túi xách màu nâu đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X 64 GB màu bạc đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Apple Watch S4 dây nhựa màu hồng đã qua sử dụng.
- Tạm giữ của Trịnh A: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, lắp sau lưng màu trắng có chữ Iphone.
- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đen trắng; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu bạc; Số tiền 10.120.000 đồng; 01 vé gửi xe máy.
- Tạm giữ của Phạm Tiến C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu đen trắng đã qua sử dụng; 01 ví giả da nâu đen bên trong có số tiền 9.675.000 đ; 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Tiến C.
- Tạm giữ của Nguyễn Văn C1: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn C1; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Đức H3; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn C1; 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng đã qua sử dụng.
- Tạm giữ của Trần Đức H3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen trắng đã qua sử dụng; số tiền 400.000 đồng.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị Vân A1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng nhạt đã qua sử dụng; 01 túi ví cầm tay.

- Tạm giữ của Nguyễn Thành M: 01 túi giả da màu xám; 01 căn cước công dân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng tất cả đều đã qua sử dụng và số tiền 1.450.000 đồng.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị N1: 01 ví da cầm tay màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu hồng đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Hoàng Thị H4 (Ngọc): 01 túi xách màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu bạc đã qua sử dụng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã tiến hành Test thử ma túy đối với 11 người, kết quả 11/11 người dương tính với chất ma túy gồm: Nguyễn Văn C1; Trần Thị N; Trịnh A; Phạm Tiến C; Trần Đức H3; Trần Phương L; Nguyễn Thị Vân A1; Hoàng Thị H4; Nguyễn Thị N1; Nguyễn Văn T và Nguyễn Thành M.

Ngày 22/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã gửi 02 phong bì thư kí hiệu A1, A2 bên trong có chứa mẫu vật giám định đến Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định, cân khối lượng. Kết quả mở niêm phong đối với mẫu A1 = 0,7460 gam; A2 = 0,1728 gam.

Tại Bản kết luận giám định số: 2483/ KLGD ngày 26/11/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định và kết luận:

“Tinh thể màu trắng của mẫu kí hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại: Ketamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,7460g.

Một phần viên nén màu tím của mẫu kí hiệu A2 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại MDMA. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1728g.”

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho Cơ quan trung cầu gồm A1 = 0,6052 gam; A2 = 0,0953 gam và toàn bộ bao gói được niêm phong.

Ngày 28/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên ra Quyết định trung cầu giám định bổ sung đối với mẫu vật hoàn trả của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đến Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an để giám định hàm lượng chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số: 7150/C09 - TT2 ngày 06/12/2019, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định và kết luận:

“Hàm lượng Ketamine trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định: 78,4%.

Hàm lượng MDMA trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định: 35,2%.”

Mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,572 gam tinh thể màu trắng; 0,050 gam chất bột màu tím và vỏ bao gói mẫu.

Tại Cáo trạng số: 42/CT - VKSPY ngày 18 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trần Thị N từ 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng đến 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trần Phương L từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,572 gam tinh thể màu trắng; 0,050 gam chất bột màu tím và vỏ bao gói mẫu.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ hình vuông, màu trắng; 01 thẻ cứng màu vàng, đen có kí hiệu BIDV đề chữ “NGUYEN VAN CUONG”; 01 thẻ cứng màu vàng đề chữ LOUIS VUITTON và 01 bật lửa ga màu xanh.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 tờ tiền polyme loại mệnh giá 10.000 đồng là công cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng màn hình bị nứt vỡ đã thu giữ của Trần Thị N.

Trả lại bị cáo Trần Phương L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu bạc; Trả lại bị cáo Trần Thị N số tiền 2.180.000 đồng nhưng cần tiếp tục tạm giữ các tài sản trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị cáo N, L nói lời sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; biên bản sự việc; biên bản thu giữ vật chứng; các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 02 giờ 05 phút ngày 22/11/2019 tại căn biệt thự F6A khu du lịch Flamingo Đại Lải thuộc xã N, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an thành phố Phúc Yên phát hiện bắt quả tang Trần Thị N và Trần Phương L đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy gồm: 0,7460 gam ma túy loại Ketamine và 0,1728 gam ma túy loại MDMA, mục đích tàng trữ để sử dụng.

[3] Hành vi tàng trữ trái phép 02 loại ma túy là MDMA và Ketamine của Trần Thị N và Trần Phương L theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số: 19/2018/NĐ –

CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của Điều 249 Bộ luật hình sự, thì tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy MDMA là $(0,1728\text{g}/5\text{g}) \times 100\% = 3,456\%$; tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy Katamine là $(0,7460 \text{ g}/20\text{g}) \times 100\% = 3,73\%$. Do vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng chất ma túy MDMA và Ketamine trong trường hợp này là: $3,456\% + 3,73\% = 7,186\%$ là dưới 100% nên hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị N và bị cáo Trần Phương L đã cấu thành tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

i) Có từ 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này ”.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm, do vậy cần thiết phải phân hóa vai trò đối với từng bị cáo để có mức án công bằng, tương xứng với hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo, cụ thể: Các bị cáo không có sự bần bạc, thống nhất từ trước. Sau khi bị cáo N, bị cáo L cùng nhóm bạn rủ nhau đi ăn, trên đường đi N đã tự gọi điện cho một đối tượng không rõ tên, tuổi địa chỉ đã quen biết trước đó hỏi mua ma túy tổng hợp dạng ke và dạng kẹo để sau khi ăn uống xong sẽ sử dụng cho bản thân. Bị cáo L ngồi cùng xe ngay bên cạnh với bị cáo N nên đã nghe thấy N nói chuyện điện thoại hỏi mua ma túy, khi N mua được ma túy đã tự đề nghị và được N đồng ý giao ma túy cho cất giữ. Sau khi nhóm của N và L ăn uống xong thì tiếp tục rủ nhau vào khu du lịch Flamingo Đại Lải thuê căn biệt thự để nghỉ ngơi. Tại đây N, L cùng 09 đối

tượng khác đã sử dụng trái phép chất ma túy và bị cơ quan Công an phát hiện tạm giữ cùng tang vật.

Về tình tiết tăng nặng: Cả bị cáo N và bị cáo L đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Thị N là đối tượng chủ mưu, khởi xướng và là người trực tiếp mua ma túy để sử dụng, theo quy định của pháp luật phải nghiêm trị, chịu hình phạt cao hơn bị cáo còn lại. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

Bị cáo Trần Phương L giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực, trực tiếp cất giữ trái phép chất ma túy cho N để cùng sử dụng.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có 01 tiền sự, ngày 02/11/2018, bị Công an huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác đến nay chưa chấp hành nên chưa được xóa tiền sự. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét để đưa ra mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhằm tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ các bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,572 gam tinh thể màu trắng; 0,050 gam chất bột màu tím và vỏ bao gói mẫu do cơ quan giám định hoàn lại cần tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ hình vuông, màu trắng; 01 thẻ cứng màu vàng, đen có kí hiệu BIDV đề chữ “ NGUYEN VAN CUONG”; 01 thẻ cứng màu vàng đề chữ LOUIS VUITTON; 01 bật lửa ga màu xanh là công cụ sử dụng trái phép chất ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 tờ tiền polyme loại mệnh giá 10.000 đồng là công cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng màn hình bị nứt vỡ đã thu giữ của Trần Thị N sử dụng làm phương tiện để liên lạc hỏi mua ma túy cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu bạc đã thu giữ của bị cáo Trần Phương L; số tiền 2.180.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Trần Thị N, những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chiếc đèn nháy màu đen, trắng hình nửa hình cầu; 01 loa hình chữ nhật màu đen có chữ F380X; 02 loa nhỏ hình chữ nhật có kí hiệu F&D đã thu giữ. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Trịnh A và Nguyễn Văn C1, mục đích mang những tài sản trên đến căn biệt thự F6A để nghe nhạc, không liên quan đến hành vi phạm tội của N và L. Ngày 02/5/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản trên cho A và C1. A và C1 nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với 01 túi giả da màu đen đã tạm giữ của Trần Thị N; 01 túi xách màu nâu, 01 đồng hồ Apple Watch S4 dây nhựa màu hồng đã tạm giữ của Trần Phương L; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, lắp sau lưng màu trắng có chữ Iphone đã tạm giữ của Trịnh A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đen trắng, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu bạc, số tiền 10.120.000 đồng, 01 vé gửi xe máy đã tạm giữ của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu đen trắng, 01 ví giả da nâu đen bên trong có số tiền 9.675.000 đồng, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Tiến C đã tạm giữ của Phạm Tiến C; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn C1, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn C1, 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng đã tạm giữ của Nguyễn Văn C1; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Đức H3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen trắng, số tiền 400.000 đồng đã tạm giữ của Trần Đức H3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng nhạt, 01 túi ví cầm

tay đã tạm giữ của Nguyễn Thị Vân A1; 01 túi giả da màu xám, 01 căn cước công dân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, số tiền 1.450.000 đồng đã tạm giữ của Nguyễn Thành M; 01 ví da cầm tay màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu hồng đã tạm giữ của Nguyễn Thị N1; 01 túi xách màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu bạc đã tạm giữ của Hoàng Thị H4. Quá trình điều tra xác định, toàn bộ các tài sản trên hợp pháp của Trần Thị N, L, A, T, C, C1, H3, A1, M, Nguyễn Thị N1, H4 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

[8] Đối với thanh niên tên Thanh là người bị cáo Trần Thị N khai đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra chưa xác minh được nhân thân lại lịch của Thanh, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[9] Đối với Nguyễn Văn C1; Trịnh A; Phạm Tiến C; Trần Đức H3; Nguyễn Thị Vân A1; Hoàng Thị H4; Nguyễn Thị N1; Nguyễn Văn T và Nguyễn Thành M có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 21, 22/11/2019, nhưng nhân thân không có tiền án, tiền sự thuộc nhóm tội về ma túy. Ngày 28/4/2020, Công an thành phố Phúc Yên đã xử phạt hành chính là phù hợp.

[10] Đối với Trần Thị N và Trần Phương L có hành vi để cho A, C1, C, T, H3, V Anh, Nguyễn Thị N1, H4 và M tự lấy và sử dụng trái phép chất ma túy do mình mua mang đến tại căn biệt thự F6A. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định Trần Thị N, Trần Phương L và cả 09 người nêu trên đều là những người nghiện, thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy nên hành vi của N và L không cấu thành các tội: “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; “ Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy ” quy định tại Điều 255 và Điều 258 Bộ luật hình sự.

[11] Đối với ông Lê Thăng L1, là chủ của căn biệt thự F6A có giấy phép kinh doanh cho thuê phòng lưu trú theo đúng quy định, đã cho Trần Thị N, L, A, C1, C, T, H3, A1, Nguyễn Thị N1, H4 và M thuê căn biệt thự F6A; anh Nguyễn Ngọc C2 và chị Nguyễn Thị L2 đã giới thiệu để ông L1 cho những người trên thuê căn biệt thự F6A nhưng không biết những người này thuê để sử dụng trái phép chất ma túy nên hành vi không cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 256 Bộ luật hình sự do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo N và bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Phương L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,572 gam tinh thể màu trắng; 0,050 gam chất bột màu tím và vỏ bao gói mẫu.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ hình vuông, màu trắng; 01 thẻ cứng màu vàng, đen có kí hiệu BIDV đề chữ “NGUYEN VAN CUONG”; 01 thẻ cứng màu vàng đề chữ LOUIS VUITTON và 01 bật lửa ga màu xanh.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 tờ tiền polyme loại mệnh giá 10.000 đồng.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng màn hình bị nứt vỡ.

Trả lại bị cáo Trần Phương L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu bạc; Trả lại bị cáo Trần Thị N số tiền 2.180.000 đồng nhưng cần tiếp tục tạm giữ các tài sản trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Tất cả vật chứng nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị N và Trần Phương L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Phúc Yên;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - CA thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Trang Nhung